

Bản án số: 71/2026/HS-ST  
Ngày 22 tháng 4 năm 2026

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* ông Đào Anh Đức

*Thẩm phán:* bà Trương Thị Anh

*Hội thẩm nhân dân:* bà Mai Thị Viện, bà Phạm Thị Sơn, ông Phạm Văn Huân.

***Thư ký phiên toà:*** bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:*** ông Trần Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 58/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số: 55/2026/HSST-QĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026, đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1989, tại tỉnh Đồng Nai; nơi thường trú: **Khu A, xã B, tỉnh Đồng Nai**; nơi tạm trú: 730/1/2/28, **H, phường B, thành phố Hồ Chí Minh**; căn cước công dân số: 075189019167 (Theo Danh bản số 350, lập ngày 24/6/2025 tại PC11 **Công an T10**); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn N1** (đã chết) và bà **Võ Thị S**; chồng là **Lê Đức K** và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/6/2024 bị Cơ quan CSĐT **Công an Q2**, TP Hồ Chí Minh khởi tố bị can về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 điều 174 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/6/2025. Hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam **Công an tỉnh T10** (có mặt).

**2. Nguyễn An K1**, sinh ngày 14/01/2008, tại tỉnh Lâm Đồng (tính đến ngày phạm tội bị cáo 17 tuổi 02 tháng); nơi thường trú: **Thôn T, xã N, tỉnh Lâm Đồng**; nơi tạm trú: **Số nhà B N, xã L, tỉnh Đồng Nai**; căn cước công dân số: 068208012727 (Theo Danh bản số 352, lập ngày 24/6/2025 tại PC11 **Công an T10**); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn V** và bà **Nguyễn Thị N2**.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/6/2025. Hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam **Công an tỉnh T10** (có mặt).

**3. Trần Gia T**, sinh năm 1980, tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: **Số B T, phường P, thành phố Hồ Chí Minh**; căn cước công dân số: 079080001745 (theo Danh bản số 349, lập ngày 24/6/2025 tại PC11 **Công an T10**); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Trần P** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị Kim L**; vợ là **Phạm Thị Hồng H** và có 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/6/2025. Hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam **Công an tỉnh T10** (có mặt).

**4. Hoàng Thị Ý N3**, sinh năm 1997, tại tỉnh Bình Thuận; nơi thường trú: **Số nhà B, đường A, tổ B, thôn B, xã Đ, tỉnh Bình Thuận**; nơi tạm trú: 730/1/2/28, **H, phường B, thành phố Hồ Chí Minh**; căn cước công dân số: 060197011258 (theo Danh bản số 456, lập ngày 24/9/2025 tại PV06 **Công an T10**); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hoàng Văn S1** và bà **Phạm Thị L1**; chồng là **Nguyễn Hồng T1** và có 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

\* **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng N**: Ông **Nguyễn Hữu G**, ông **Đình Minh P1** - Luật sư, **Công ty L3** - Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt ông **Đình Minh P1**).

\* **Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn An K1**: Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1988 (có Đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: **Thôn T, xã N, tỉnh Lâm Đồng**.

\* **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn An K1**: Bà **Nguyễn Thị Q** - Trợ giúp viên pháp lý, **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T** (có mặt).

\* **Bị hại**:

- Bà **Nguyễn Phấn T2**, sinh năm 1968

Địa chỉ: **1 C, phường C, thành phố Hồ Chí Minh** (vắng mặt).

- Ông **Trần Hưng T3**, sinh năm 1966

Địa chỉ: **Tổ C, KP E, phường T, tỉnh Đồng Nai** (vắng mặt).

- Ông **Phạm Khắc T4**, sinh năm 1950

Địa chỉ: **Lô C BT4 X2 B, phường H, TP Hà Nội** (vắng mặt).

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

- Anh **Huỳnh Phạm Bảo T5**, sinh năm 2008

Địa chỉ: **Tổ I, khu A, xã B, tỉnh Đồng Nai** (vắng mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T5**: Ông **Trịnh Đình H1** - Trợ giúp viên pháp lý, **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T** (Vắng mặt)

\* **Những người làm chứng**:

- Chị **Trịnh Thị L2**, sinh năm 1998

- Bà **Hồ Lệ T6**, sinh năm 1968

- Anh **Hoàng T7**, sinh năm 2008

- Anh **Phạm Đức D**, sinh năm 2008

- Chị **Nguyễn Thị Phương T8**, sinh năm 2008

(đều vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào giữa tháng 03/2025, Nguyễn Thị Hồng N biết em dâu là Hoàng Thị Ý N3 đang thuê căn nhà số B N, thị trấn L, huyện L (nay là xã L), tỉnh Đồng Nai để mở shop bán quần áo “Dori Store” tại tầng 1, tầng 2 và có đăng bài viết lên mạng xã hội cho thuê tầng 3 với giá 5 triệu đồng/tháng. Do N đang tìm địa điểm để lắp đặt máy tính, thiết bị thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên N đã nói với N3 để lại tầng 3 cho N thuê, hàng tháng N có trách nhiệm đưa cho N3 từ 2.000.000 đồng - 5.000.000 đồng, N3 đồng ý. Sau đó N thuê và chỉ đạo Nguyễn An K1 mang 3 bộ máy tính để bàn đến lắp đặt tại tầng 3, lắp đặt đường truyền internet, camera và liên hệ qua mạng xã hội Facebook với Trịnh Thị L2 (sinh năm 1998, trú tại phòng 202, số F, tổ E, phường Đ, TP Hà Nội) là nhân viên kinh doanh Công ty Cổ phần C1 thuê phần mềm Callio với 10 số điện thoại bàn có đầu số “024...” (về sau N tiếp tục lắp đặt thêm 02 bộ máy tính bàn, tổng 05 bộ). Do thiếu người giúp hoạt động lừa đảo nên N đã thuê một người đàn ông tên K2 (đã nghỉ làm từ 06/10/2025, chưa xác định được nhân thân, lai lịch), Phạm Đức D (sinh năm 2008), Hoàng T7 (sinh năm 2008) đều trú tại huyện L, tỉnh Đồng Nai, làm việc từ ngày 31/5/2025 đến 10/6/2025 và Nguyễn Thị Phương T8 (đến thử việc ngày 10/6/2025). Ngoài thuê địa điểm, tuyển nhân viên làm việc tại tầng 3, số nhà B N thì N cùng với đối tượng có tên tài khoản T9 “Ngọc A” (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) còn thuê địa điểm tại tỉnh Shanghai, Campuchia và cũng tuyển nhân viên thực hiện hành vi lừa đảo với hình thức tương tự trong đó có Trần Gia T (làm việc ở bên Campuchia từ ngày 18/5/2025 đến 08/6/2025 sau đó về Việt Nam làm cho N từ 09/6/2025 đến 10/6/2025).

Để điều hành được cả hai địa điểm, N tạo nhóm T9 tên “Áo thun nam nữ” do mình quản lý và đưa toàn bộ nhân viên ở Việt Nam tham gia vào nhóm; còn bên Campuchia có nhóm “Báo đơn” có T tham gia nhóm này khi bên Campuchia. Cả hai nhóm được N và “Ngọc A” đăng kịch bản và dữ liệu thông tin khách hàng lên nhóm để thực hiện gọi điện cho khách hàng theo kịch bản nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đồng thời theo dõi, đốc thúc, động viên, răn đe, nhắc nhở mọi người để nhóm hoạt động hiệu quả, lừa được nhiều người hơn.

\* Phương thức, thủ đoạn hoạt động: Các đối tượng thực hiện hoạt động theo kịch bản với 04 lộ trình:

- Giai đoạn thứ nhất: K1, T, T7, D và người đàn ông tên K2 giả nhân viên gọi điện bằng số máy bàn tư vấn cho khách hàng khi mua quần áo, đồ gia dụng, thuốc ... sẽ được trúng thưởng xe máy Honda SH Mode và đề nghị nhận và thanh toán đơn hàng để hỗ trợ trúng thưởng nhận giải xe SH mode. Khi khách hàng đồng ý sẽ hướng dẫn gọi điện đến số điện thoại 0937.025.115 và 0937.614.566 do N và K1 quản lý và sử dụng. Sau khi bị hại đã nhận và thanh toán đơn hàng để hỗ trợ trúng thưởng thì đến giai đoạn 2.

- Giai đoạn thứ hai: **K1, T, N** và người đàn ông tên **K2** giả danh là nhân viên công ty giới thiệu tên là “**P2**”, “**T4**”, “**Lâm Hoàng Anh Thư**”... thực hiện gọi điện yêu cầu bị hại tiếp tục chuyển tiền từ 1.500.000 đồng trở lên cho bên dịch vụ để làm thủ tục bấm biển số và làm giấy tờ xe (tùy bị hại mà số tiền yêu cầu khác nhau, có trường hợp phải đóng số tiền 7.000.000 đồng).

- Giai đoạn thứ ba: Để yêu cầu bị hại chuyển thêm tiền thì **K1, T, N** và người đàn ông tên **K2** yêu cầu người bị hại chuyển tiền vận chuyển xe về địa chỉ nhà cho bị hại với số tiền từ 2.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

- Giai đoạn thứ tư: Nếu bị hại chuyển tiền vận chuyển xe thì **K1, T, N, K2** lại hỏi bị hại có nhu cầu nhận thưởng bằng tiền mặt không? Nếu bị hại đồng ý các đối tượng sẽ yêu cầu bị hại chuyển phí để đổi thưởng xe bằng tiền mặt với mức phí từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. **N, K1, T, K2** yêu cầu bị hại chuyển tiền phí giao dịch để nhận thưởng bằng tiền mặt với mức phí tùy theo từng bị hại, bị hại có bao nhiêu thì nhận bấy nhiêu. Ngoài ra còn thông báo cho bị hại trúng thưởng giải thưởng cao hơn và yêu cầu bị hại tiếp tục chuyển thêm phí giao dịch.

Dựa trên dữ liệu data khách hàng có trên nhóm, các đối tượng sử dụng dịch vụ gọi điện từ các số máy bàn trong ứng dụng Callio cài đặt trên máy tính để gọi điện tư vấn cho khách mua quần áo, đồ gia dụng... sẽ được trúng thưởng xe máy SH Mode đồng thời để lại số điện thoại 0937.614.566 (do **K1** và **N** cầm) hoặc số 0937.025.115 (do **N** cầm) để khách liên lạc lại. Số 0937.614.566 cũng là số điện thoại của người gửi mà nhóm **K1** ghi trong các đơn hàng để bưu tá gọi khi giao hàng. Khi có khách đồng ý mua thì **K1** và những người gọi điện báo kết quả lên trên nhóm **T**, sau đó **N** và **K1** sẽ trực tiếp gọi điện hoặc phân công người gọi điện tư vấn cho khách thực hiện các bước tiếp theo nhằm lừa đảo chiếm đoạt tiền của khách hàng.

\* Về dòng tiền chiếm đoạt: Để nhận tiền do khách hàng chuyển, **N** và **K1** sử dụng các tài khoản ngân hàng không chính chủ do **N** mượn của những người thân quen. Cụ thể: Số tài khoản 1983458386 ngân hàng **V1** của **Nguyễn Văn Q1** (sinh năm 1967, trú tại **tổ G, xã B, tỉnh Đồng Nai**); số tài khoản 0937614566 ngân hàng **M** của **Phan Công D1** (sinh năm 1994, trú tại **tổ A, khu A, xã B, tỉnh Đồng Nai**); số tài khoản 190253248090027 ngân hàng **T11** của **Hồ Lệ T6** (sinh năm 1968, trú tại **tổ E, khu A, xã B, tỉnh Đồng Nai**) và số tài khoản 223344550505 ngân hàng **M1** của **Nguyễn An K1** do **K1** quản lý và sử dụng. Còn lại do **N** quản lý đăng ký sử dụng trên thiết bị điện thoại của mình. **K1** có nhiệm vụ đi rút tiền mặt tại các cây ATM về đưa tiền lại cho **N** để chi trả tiền lương, điện nước sinh hoạt, tiền thuê mặt bằng.... và sử dụng vào mục đích cá nhân.

\* Về quy chế trả lương: Trong thời gian làm việc đối với nhân viên được **N** thuê sẽ được trả lương theo tháng, mức lương cứng là 6 triệu đồng, tiền chuyên cần nếu làm năng nổ là 1,5 triệu đồng, ngoài ra còn được thưởng 10% giá trị mỗi đơn hàng theo Chương trình 1. Điều kiện là bán được hàng cho khách nhận mua với số lượng hàng hóa có tổng giá trị 30 triệu đồng mỗi tháng. Nếu tháng đó gọi điện lừa khách hàng có giá trị dưới 30 triệu đồng thì chỉ được nuôi ăn, ở, không được thêm tiền gì.

Đối với **K1**, **T**, người đàn ông tên **K2** ngoài mức trả lương như trên còn được hưởng 10% số tiền lừa đảo được do thực hiện ở giai đoạn 2, 3, 4.

Quá trình hoạt động lừa đảo, Cơ quan điều tra đã chứng minh **N** cùng đồng bọn đã trực tiếp gọi điện để thông báo trúng thưởng và thực hiện nhiều giai đoạn, chương trình khác nhau như trên để chiếm đoạt tài sản của 03 người bị hại, bao gồm: ông **Phạm Khắc T4**, với tổng số tiền 606.700.000 đồng (ông **Trung chuyển K3** nhiều lần vào nhiều tài khoản khác nhau từ 02/5/2025 đến 10/6/2025); ông **Trần Hưng T3**, tổng số tiền 30.300.000 đồng (ông **T3** chuyển vào tài khoản **Phan Công D1** ngày 26/5/2025) và bà **Nguyễn Phấn T2**, tổng số tiền 10.000.000đ (chuyển khoản vào tài khoản **Phan Công D1** ngày 07/6/2025). Tổng số tiền các đối tượng đã chiếm đoạt được là 647.000.000 đồng.

Đối với **Nguyễn An K1**: Là người thực hành tích cực, trực tiếp sử dụng số điện thoại 0937.614.566 để gọi điện lừa bị hại và sử dụng tài khoản ngân hàng của mình đến nhận tiền của các bị hại. Ngoài ra còn trực tiếp đi rút tiền mặt chiếm đoạt được về đưa cho **N** nên phải chịu toàn bộ trách nhiệm hình sự với số tiền đã chiếm đoạt 647.000.000 đồng của các bị hại.

Đối với **Trần Gia T**: Là người được **N** và “**Ngọc A**” thuê, trong quá trình làm việc bên Campuchia đã trực tiếp và nhiều lần gọi điện cho bị hại bà **Nguyễn Phấn T2** chiếm đoạt của bà **T2** tổng số tiền 10.000.000 đồng. Ngoài ra **T** không tham vào bất kỳ giai đoạn nào để chiếm đoạt tiền của bị hại **T4** và **T3**. Do đó **T** chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền đã chiếm đoạt của bị hại **T2** là 10.000.000 đồng.

Đối với **Hoàng Thị Ý N3**: Là người cho **N** thuê lại tầng 3 và biết rõ **N** và các đối tượng sử dụng máy tính có lắp mạng internet để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng không tố giác đã cấu thành tội “Không tố giác tội phạm”.

Đối với **Huỳnh Phạm Bảo T5**: là người được **N3** thuê trông coi và bán hàng tại tầng 1. Quá trình làm việc tại đây, **T5** còn được **N** thuê quét dọn, **B** bị hư hỏng ở tầng 3 và biết **N** và các đối tượng sử dụng máy tính có lắp mạng internet để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng không tố giác đã cấu thành tội “Không tố giác tội phạm”. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, **Huỳnh Phạm Bảo T5** là người đủ 16 đến dưới 18 tuổi và thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Căn cứ Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 39 và Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024 (sửa đổi bổ sung năm 2025) **Huỳnh Phạm Bảo T5** đủ điều kiện để áp dụng biện pháp chuyển hướng. Tuy nhiên, thời hạn điều tra sắp hết và hiện tại **UBND tỉnh T** chưa công bố danh sách những người làm công tác xã hội nên không đủ thời gian để áp dụng đầy đủ thủ tục chuyển hướng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên, Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh T10** đã ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng “Giáo dục tại xã B, tỉnh Đồng Nai” trong thời hạn 18 tháng mà không cần phải tách vụ án.

**\* Việc thu giữ vật chứng, đồ vật, tài liệu:**

- 05 bộ máy tính tại phòng tầng 3, địa chỉ B N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai gồm:

+ 01 (một) máy tính để bàn nhãn hiệu T-WOLF màu đen, gồm một cây máy tính có số serial TW000224F0008 và một màn hình led có số serial TWF24I23100319;

+ 01 (một) máy tính để bàn nhãn hiệu T-WOLF màu đen, gồm một cây máy tính có số serial TW000224F0006 và một màn hình led có số serial TWF24I23100415.

+ 01 (một) máy tính để bàn nhãn hiệu T-WOLF màu đen, gồm một cây máy tính màu đen, đã bị bóc mã serial và một màn hình led có số serial TWF24I23100354.

+ 01 (một) máy tính để bàn nhãn hiệu HP Compaq Pro 6300 màu đen (loại màn hình kết hợp cây máy tính), có số serial JPA3313FXK.

+ 01 (một) máy tính để bàn nhãn hiệu HP Compaq Pro 6300 màu đen (loại màn hình kết hợp cây máy tính), có số serial JPA3313FXF.

- Thu giữ của Nguyễn Thị Hồng N gồm:

+ 01 điện thoại Iphone 16 Promax màu vàng, đã qua sử dụng, có số imei 358701810194168, imei2 358701810336397, gắn thẻ sim 0937.925.000;

+ 01 điện thoại Iphone 15Plus màu xanh, đã qua sử dụng, gắn thẻ sim số imei 350110763759464, imei2 350110763492405, gắn thẻ sim số thuê bao 0937.025.115;

+ 01 điện thoại OPPO Renno Z màu trắng, đã qua sử dụng, có số imei 867094046859430, số imei2 867094046859422, gắn thẻ sim số 0937614556

- Thu giữ của Nguyễn An K1 gồm:

+ 01 điện thoại Iphone 13 màu tím, gắn thẻ sim số 0328.105.364, số imei1 350407034675127, số imei2 350407034673338, mật khẩu mở máy “225566”

- Thu giữ của Trần Gia T gồm:

+ 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A02s màu tím, đã qua sử dụng, số imei1 352845148098488, imei2 353051568098483, gắn thẻ sim số 0382812823

- Thu giữ của Huỳnh Phạm Bảo T5 gồm:

+ 01 (một) điện thoại Iphone 15 promax màu xám, số imei1 357511599768459, imei2 357511599070302, điện thoại đã qua sử dụng;

- Thu giữ của Hoàng Thị Ý N3 gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 màu xanh, số imei1 351109221764867, số imei2 351109221823986, điện thoại đã qua sử dụng.

Các đồ vật, tài liệu nói trên được chuyển Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa để xử lý theo quy định.

\* Tại Cáo trạng số: 97/CT-VKS-P2 ngày 10/02/2026, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Nguyễn Thị Hồng N và Nguyễn An K1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; Trần Gia T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật

Hình sự; **Hoàng Thị Ý N3** về tội “Không tố giác tội phạm”, theo khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Những người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa có lời khai tại Cơ quan điều tra phù hợp với nội dung đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Hồng N** và **Nguyễn An K1**, **Trần Gia T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; **Hoàng Thị Ý N3** phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

- Đối với **Nguyễn Thị Hồng N**: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Nguyễn Thị Hồng N** từ 13 năm đến 14 năm tù.

- Đối với **Nguyễn An K1**: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự. Khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp Người chưa thành niên. Xử phạt **Nguyễn An K1** từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

- Đối với **Trần Gia T**: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt **Trần Gia T** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Đối với **Hoàng Thị Ý N3**: Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt **Hoàng Thị Ý N3** từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu bán phát mại sung ngân sách nhà nước 05 (năm) bộ máy tính để bàn, 07 (bảy) điện thoại di động thu của các bị cáo.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án tuyên nghĩa vụ nộp án phí đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa của bị cáo **Nguyễn Thị Hồng N** thống nhất với nội dung Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án phù hợp với hành vi của bị cáo.

Người bào chữa của bị cáo **Nguyễn An K1** thống nhất với nội dung Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ ly hôn khi bị cáo còn nhỏ dẫn đến nhận thức của bị cáo hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất.

Các bị cáo thống nhất với bản luận cứ bào chữa nêu trên của người bào chữa, đồng thời không bào chữa bổ sung hoặc tranh luận thêm gì khác.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị cáo **Nguyễn An K1**, những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan, hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên **Nguyễn Thị Hồng N** đã thuê lại tầng 3 **số nhà B N, xã L, tỉnh Đồng Nai** của **Hoàng Thị Ý N3** để lắp máy tính có kết nối mạng; thuê phần mềm Callio với 10 số điện thoại bàn có đầu số “024...” và sử dụng hai số điện thoại 0937.025.115, 0937.614.566 để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của khách hàng dưới hình thức mua hàng trúng thưởng xe Honda SH Mode. Từ giữa tháng 3/2025 đến ngày 10/6/2025, **N** cùng **Nguyễn An K1** nhiều lần thực hiện hành vi gọi điện cho ông **Phạm Khắc T4**, ông **Trần Hưng T3** và bà **Nguyễn Phấn T2** đưa ra các thông tin không đúng sự thật để chiếm đoạt tổng số tiền 647.000.000 đồng của 03 bị hại. **Trần Gia T** đã giúp **N** gọi điện nhiều lần cho bà **Nguyễn Phấn T2** chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng.

Biết rõ các đối tượng trên đã và đang thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng **Hoàng Thị Ý Nhi** không tố giác tội phạm đến các cơ quan chức năng.

[3] Về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo **Nguyễn Thị Hồng N**, **Nguyễn An K1** và **Trần Gia T** đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của cá nhân, gây mất trật tự xã hội, dư luận xấu trong nhân dân. Hành vi của **Hoàng Thị Ý N3** đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm. Do đó phải được xử lý nghiêm minh theo pháp luật hình sự nhằm răn đe, giáo

dục và phòng ngừa chung.

Trong vụ án có bị cáo **Nguyễn An K1** là người chưa thành niên, thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Do đó áp dụng Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024 để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với nội dung bản Cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với tính chất mức độ mà tội phạm đã gây ra nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Trong vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” **Nguyễn Thị Hồng N**, **Nguyễn An K1** và **Trần Gia T** thực hiện hành vi phạm tội có sự phân công vai trò rõ ràng, cấu kết chặt chẽ. Trong đó **N** là người chủ mưu, phân công, điều hành mọi hoạt động của nhóm nên có vai trò đầu vụ. **K1** là người thực hành tích cực nên có vai trò thứ hai. **Trần Gia T** là người giúp sức nên có vai trò thứ ba và phải chịu tình tiết định khung hình phạt “Có tổ chức” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo **Nguyễn Thị Hồng N**, **Nguyễn An K1** phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội có tổ chức” và “Phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ:

- Bị cáo **Nguyễn Thị Hồng N**, **Nguyễn An K1**, **Trần Gia T** được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “Đầu thú” quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Nguyễn Thị Hồng N** có bố chồng được Thủ tướng nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào tặng Huy chương kháng chiến.

Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trong đó bị cáo **N** là người có nhân thân xấu, do đó cần áp dụng mức hình phạt tù để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

- Bị cáo **Hoàng Thị Ý N3** được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “Đầu thú” quy định điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và có đủ điều kiện để được hưởng án treo, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền nơi cư trú cũng đủ sức giáo dục, cải tạo đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, việc áp dụng hình phạt chính là phạt tù đã nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự

Các bị hại Nguyễn Phấn T2, Trần Hưng T3, Phạm Khắc T4 đã nhận tiền bồi thường, và không có yêu cầu gì về dân sự nên hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các máy tính để bàn là công cụ, phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với các điện thoại thu của bị cáo Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn An K1, Trần Gia T, Hoàng Thị Ý N3, Huỳnh Phạm Bảo T5 là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các tình tiết khác có liên quan:

Đối với Phạm Đức D, Hoàng T7 chỉ tham gia gọi điện thông báo trúng thưởng ở giai đoạn đầu, không tham gia các bước tiếp theo để chiếm đoạt tiền và không xác định được liên quan đến việc chiếm đoạt tài sản của các bị hại trong vụ án nên không đủ căn cứ xử lý hình sự.

Đối với Nguyễn Thị Phương T8 mới đến thử việc, chưa trực tiếp tham gia hành vi phạm tội nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Đối với đối tượng tên “K2”, tài khoản T9 “Ngọc A” và các tài khoản khác trong nhóm “Báo đơn”, quá trình điều tra xác định có tham gia hoạt động lừa đảo nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau khi có căn cứ.

Đối với Nguyễn Văn Q1, Phan Công D1, Hồ Lệ T6 cho N mượn tài khoản ngân hàng nhưng không biết việc các tài khoản được sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Đối với Trịnh Thị L2 là người cho thuê phần mềm C và các đầu số điện thoại bàn, không biết các bị cáo sử dụng vào mục đích lừa đảo nên không có căn cứ xử lý hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố:

- Các bị cáo Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn An K1, Trần Gia T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Bị cáo Hoàng Thị Ý N3 phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N **13 (mười ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 13/6/2025.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp Người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo Nguyễn An K1 **07 (bảy) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 13/6/2025.

3. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Gia T 02 (hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 13/6/2025.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Thị Ý N3 01 (một) năm tù cho hưởng án treo**, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/4/2026).

Giao bị cáo **Hoàng Thị Ý N3** cho **UBND xã Đ**, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

*Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, bán phát mại sung Ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) bộ máy tính để bàn nhãn hiệu T-WOLF màu đen gồm: 01 cây máy tính có số serial: TW000224F0008 và 01 màn hình led có số serial TWF24I23100319.

+ 01 (một) bộ máy tính để bàn nhãn hiệu T-WOLF màu đen gồm: 01 cây máy tính có số serial: TW000224F0006 và 01 màn hình led có số serial: TWF24I23100415.

+ 01 (một) bộ máy tính để bàn nhãn hiệu T-WOLF màu đen, gồm một cây máy tính màu đen, đã bị bóc mã serial và một màn hình led có số serial: TWF24I23100354.

+ 01 (một) máy tính để bàn nhãn hiệu HP Compaq Pro 6300 màu đen (loại màn hình kết hợp cây máy tính), có số serial: JPA3313FXK.

+ 01 (một) máy tính để bàn nhãn hiệu HP Compaq Pro 6300 màu đen (loại màn hình kết hợp cây máy tính), có số serial: JPA3313FXF.

+ 01 (một) điện thoại Iphone 16 Promax màu vàng, có số imei1: 358701810194168, imei2: 358701810336397, thu của **Nguyễn Thị Hồng N**.

+ 01 (một) điện thoại Iphone 15Plus màu xanh, có số imei1: 350110763759464, imei2: 350110763492405, thu của **Nguyễn Thị Hồng N**.

+ 01 (một) điện thoại OPPO Renno Z màu trắng, có số imei1: 867094046859430, số imei2: 867094046859422, thu của **Nguyễn Thị Hồng N**.

+ 01 (một) điện thoại Iphone 13 màu tím, có số imei1: 350407034675127, số imei2: 350407034673338, thu của **Nguyễn An K1**.

+ 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A02s màu xanh tím than, số imei: 352845148098488, imei2: 353051568098483, thu của **Trần Gia T.**

+ 01 (một) điện thoại Iphone 15 promax màu xám, số imei1: 357511599768459, imei2: 357511599070302, thu của **Huỳnh Phạm Bảo T5.**

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 màu xanh, số imei1: 351109221764867, số imei2: 351109221823986, thu của **Hoàng Thị Ý N3.**

*Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 81/2026/TV-THADS ngày 03/3/2026 giữa Phòng PC02 **Công an tỉnh T10** và Thị hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.*

6. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết:

Buộc các bị cáo **Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn An K1, Trần Gia T, Hoàng Thị Ý N3**, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; đại diện hợp pháp của bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQ CSĐT - Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Thị hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã, phường (nơi bị cáo được hưởng án treo);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hs, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Anh Đức**

